

Kiến thức, thái độ và thực hành vệ sinh tay thường quy của sinh viên điều dưỡng Trường Đại học Nguyễn Tất Thành

Lê Thị Quế Phương*, Trần Thị Hạnh Dung

Khoa Điều dưỡng - Đại học Nguyễn Tất Thành

*ltqphuong@ntt.edu.vn

Tóm tắt

Vệ sinh tay là biện pháp đơn giản, chi phí thấp, dễ thực hiện rất hiệu quả để phòng chống nhiễm khuẩn bệnh viện và bảo vệ sức khỏe của nhân viên y tế. Nghiên cứu này nhằm đánh giá kiến thức, thái độ và thực hành của sinh viên điều dưỡng về vệ sinh tay thường quy và các yếu tố liên quan. Nghiên cứu cắt ngang mô tả được thực hiện từ tháng 01/2024 đến tháng 04/2024 trên sinh viên điều dưỡng Trường Đại học Nguyễn Tất Thành đang thực hành lâm sàng tại bệnh viện. Kết quả khảo sát trên 286 sinh viên điều dưỡng cho thấy, 91,6 % sinh viên có kiến thức tốt, 94,4 % sinh viên có thái độ tích cực và 59,4 % sinh viên thực hành tốt vệ sinh tay. Sinh viên năm 4 có kiến thức và kỹ năng thực hành vệ sinh tay tốt hơn sinh viên năm 3 ($p < 0,01$). Sinh viên điều dưỡng có kiến thức tốt và thái độ tốt về vệ sinh tay thường quy. Bên cạnh đó, cũng cần tăng cường giám sát, cập nhật, tập huấn giúp sinh viên nâng cao, tuân thủ hơn về thực hành vệ sinh tay trong chăm sóc người bệnh.

Nhận 03/04/2024

Được duyệt 13/05/2024

Công bố 20/06/2024

Từ khóa

kiến thức, thái độ, thực hành, vệ sinh tay thường quy, sinh viên điều dưỡng

© 2024 Journal of Science and Technology - NTTU

1 Đặt vấn đề

Nhiễm khuẩn bệnh viện đang là vấn đề toàn cầu do tỷ lệ mắc cao, kéo dài thời gian nằm điều trị, tăng tỉ lệ tử vong và tăng chi phí điều trị. Theo thống kê, tỷ lệ nhiễm khuẩn bệnh viện đang chiếm khoảng (5-10) % ở các nước phát triển và (15-20) % ở các nước đang phát triển [1]. Theo Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) khẳng định “Vệ sinh tay là biện pháp đơn giản và hiệu quả nhất trong phòng ngừa nhiễm khuẩn bệnh viện” [1]. Vệ sinh tay giúp ngăn ngừa vi khuẩn lây nhiễm trong quá trình chăm sóc người bệnh đồng thời giảm thiểu tỷ lệ nhiễm khuẩn. Vệ sinh tay là một biện pháp khá đơn giản, chi phí thấp, dễ thực hiện rất hiệu quả để phòng chống nhiễm khuẩn bệnh viện và bảo vệ nhân viên y tế.

Điều dưỡng là người tiếp xúc thường xuyên với người bệnh, là chìa khóa quan trọng trong việc đảm bảo cung cấp môi trường điều trị và chăm sóc an toàn, không nhiễm trùng chéo cho người bệnh. Tuy nhiên, các

nghiên cứu cho thấy rằng kiến thức, thái độ và thực hành vệ sinh tay thường quy của nhân viên y tế, bao gồm cả điều dưỡng hay sinh viên điều dưỡng (SVĐD) đều còn nhiều hạn chế [2].

Sinh viên y khoa trong đó có điều dưỡng là đối tượng tham gia trực tiếp vào quá trình chăm sóc người bệnh tại các cơ sở y tế thực hành. Do đó, tuân thủ và thực hành vệ sinh tay đúng quy trình kỹ thuật là rất quan trọng trong việc đảm bảo an toàn và nâng cao chất lượng chăm sóc cho người bệnh. Tuy nhiên, hiện nay nhiều nghiên cứu ghi nhận kiến thức, thực hành của sinh viên y khoa nói chung còn nhiều hạn chế [3-5]. Chính vì thế, nghiên cứu này được thực hiện nhằm mục tiêu đánh giá thực trạng kiến thức, thái độ và thực hành vệ sinh tay thường quy của SVĐD Trường Đại học Nguyễn Tất Thành (NTTU), làm cơ sở cải tiến chất lượng giảng dạy và chăm sóc người bệnh.



2 Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

2.1 Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng khảo sát: SVĐD của NTTU đang thực tập lâm sàng tại các cơ sở khám chữa bệnh.

Thời gian nghiên cứu: nghiên cứu được tiến hành từ tháng 01/2024 đến tháng 04/2024.

Cỡ mẫu:

Áp dụng công thức tính cỡ mẫu :

$$n = \frac{N}{1 + N * (e)^2}$$

Trong đó: N: quy mô tổng thể mẫu (980 người)

e : sai số (0,05)

n: số mẫu cần nghiên cứu = 284

Tổng số 286 SVĐD đồng ý tham gia nghiên cứu.

Tiêu chuẩn chọn mẫu: SVĐD đang thực hành lâm sàng tại các bệnh viện.

2.2 Phương pháp nghiên cứu

2.2.1 Thiết kế nghiên cứu: nghiên cứu cắt ngang mô tả.

2.2.2 Công cụ nghiên cứu

Công cụ thu thập số liệu gồm 04 phần:

Phần I: bộ câu hỏi đánh giá thông tin chung bao gồm: tuổi, giới tính, năm học, khoa đang thực tập.

Phần II: bộ câu hỏi kiến thức vệ sinh tay được xây dựng dựa trên “Bộ câu hỏi kiến thức vệ sinh tay cho nhân viên chăm sóc sức khỏe ngành y tế” của WHO [6]. Bộ câu hỏi gồm 25 câu hỏi trắc nghiệm một đáp án đúng và các câu hỏi đúng sai. Tổng số điểm cho tất cả các mục kiến thức nằm trong khoảng từ 0 đến 25 và được trình bày dưới dạng tỷ lệ phần trăm của tổng số câu hỏi. Nếu tỷ lệ phần trăm là $\geq 60\%$ tổng số điểm (≥ 15 câu trả lời đúng), người trả lời có kiến thức đạt.

Phần III: bộ câu hỏi đánh giá thái độ về vệ sinh tay thường quy được đánh giá qua bộ câu hỏi đánh giá thái độ về vệ sinh tay thường quy [7]. Bộ câu hỏi gồm 9 câu hỏi lựa chọn đồng ý/ không đồng ý/ không ý kiến cho những nhận định liên quan về mục đích, hiệu quả, thời điểm và cách thức vệ sinh tay thường quy. Tổng cộng có 9 câu hỏi, mỗi câu trả lời đúng được 1 điểm; tối đa 9 điểm, thái độ “Tích cực” nếu tổng điểm “Đạt” (6-9) điểm, thái độ “Không tích cực” nếu tổng điểm “Đạt” (0-5) điểm.

Phần IV: thực hành vệ sinh tay thường quy được đánh giá dựa trên bảng kiểm 6 bước theo quy trình của Bộ Y tế. Nhóm nghiên cứu quan sát quá trình vệ sinh tay trực tiếp và chấm điểm dựa trên bảng kiểm, thực hành “Đạt” khi thực hiện đầy đủ 6 bước trong thời gian từ 30 giây đồng thời mỗi thao tác lặp lại ít nhất 5 lần.

2.2.3 Phương pháp thu thập dữ liệu

Thu thập số liệu bằng bộ câu hỏi tự điền cho đối với các nội dung liên quan đến kiến thức và thái độ về vệ sinh tay. Kỹ năng thực hành vệ sinh tay của sinh viên được đo lường thông qua quan sát và đánh giá bởi bảng kiểm. Các nghiên cứu viên được tập huấn về phương pháp lấy mẫu trước tiến hành lấy mẫu.

2.2.4 Phân tích số liệu

Số liệu sau khi thu thập được xử lý và phân tích bằng phần mềm SPSS. Đối với các biến số định danh, hoặc thứ tự kết quả được biểu diễn bằng tần số và tỷ lệ phần trăm. Kiểm định T – test và Anova với độ tin cậy 95 % được sử dụng để xác định các yếu tố liên quan đến vệ sinh tay của SVĐD.

2.2.5 Vấn đề đạo đức nghiên cứu

Nghiên cứu thực hiện trên cơ sở đảm bảo các nguyên tắc về đạo đức bao gồm: sinh viên đủ điều kiện tham gia nghiên cứu một cách tự nguyện, không ảnh hưởng đến các lợi ích liên quan đến học tập và các thông tin thu thập chỉ sử dụng với mục đích nghiên cứu đảm bảo tính bảo mật.

3 Kết quả nghiên cứu

3.1 Đặc điểm chung của SVĐD tham gia nghiên cứu

Đặc điểm của SVĐD tham gia nghiên cứu được trình bày trong Bảng 1.

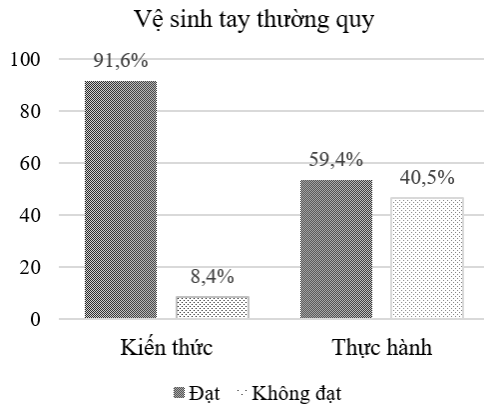
Bảng 1 Đặc điểm chung đối tượng tham gia nghiên cứu

	Đặc điểm	Tần số	Tỷ lệ (%)
Tuổi	21	113	39,5
	22	155	54,2
	23	18	6,3
Giới tính	Nam	51	17,8
	Nữ	235	82,2
Năm học	Năm 3	126	44,1
	Năm 4	160	55,9
Khoa lâm sàng	Hội sức cấp cứu	48	16,8
	Ngoại	128	44,7
	Nhi	32	11,2
	Nội	78	27,3

Kết quả phân tích ghi nhận độ tuổi SVĐD tham gia nghiên cứu từ 21 đến 23 tuổi, trong đó, nữ giới chiếm 82,2 %. Nghiên cứu cũng ghi nhận 55,9 % là SVĐD năm cuối và 44,1 % là sinh viên năm 3. Sinh viên tham gia nghiên cứu đang thực tập tại các khoa khác nhau tại cơ sở thực hành. Cụ thể, 44,7 % SVĐD đang thực tập tại khoa Ngoại, 27,3 % đang thực tập tại khoa Nội, 16,8 %

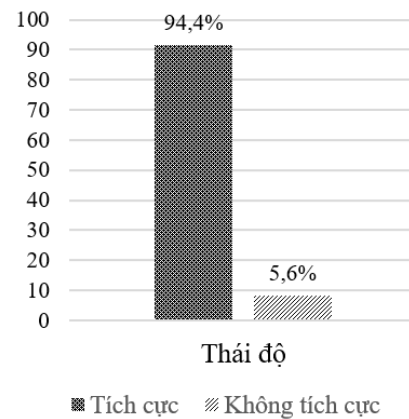
đang thực tập tại khoa Hồi sức cấp cứu và 11,2 % đang thực tập tại khoa Nhi.

3.2 Kiến thức, thái độ và thực hành vệ sinh tay thường quy của SVDD



Hình 1 Kiến thức và thực hành vệ sinh tay thường quy của SVDD

Kết quả nghiên cứu ghi nhận 91,6 % SVDD có kiến thức vệ sinh tay thường quy ở mức đạt và 59,5 % sinh viên đạt đối với kỹ năng thực hành vệ sinh tay khi thực hiện đúng và đủ 6 bước của vệ sinh tay thường quy. Nghiên cứu cũng ghi nhận, 83,5 % SVDD thực hiện đạt 5 bước của vệ sinh tay thường quy.



Biểu đồ 2 Thái độ về vệ sinh tay thường quy của SVDD

So với kiến thức và thực hành vệ sinh tay, thái độ của SVDD về sự quan trọng của vệ sinh tay trong nghiên cứu ghi nhận kết quả cao hơn. Cụ thể, 94,4 % sinh viên có thái độ tích cực liên quan đến vệ sinh tay và chỉ có 5,6 % có thái độ không tích cực.

3.3 Các yếu tố ảnh hưởng đến kiến thức, thái độ và thực hành vệ sinh tay thường quy của SVDD. Các yếu tố ảnh hưởng đến kiến thức của SVDD về vệ sinh tay thường quy được trình bày ở Bảng 2.

Bảng 2 Yếu tố ảnh hưởng đến kiến thức về vệ sinh tay của SVDD

Đặc điểm		TB ± ĐLC	t*	F**	Giá trị p	Post -hoc
Tuổi	21	16,62 ± 0,13		2,73	0,067	
	22	17,09 ± 2,01				
	23	17,39 ± 1,81				
Giới tính	Nam	16,57 ± 1,55	-1,56		0,133	
	Nữ	17,00 ± 1,91				
Khóa học	Năm 3	16,52 ± 1,22	-2,79		0,038	
	Năm 4	17,13 ± 2,11				
Khoa đang thực tập lâm sàng	Hồi sức cấp cứu ^a	17,65 ± 2,11		3,98	0,008	a > b
	Ngoại ^b	16,59 ± 1,61				a > d
	Nhi ^c	17,09 ± 2,02				
	Nội ^d	16,95 ± 1,94				

*Phép kiểm t- test, ** Phép kiểm Anova

Kết quả nghiên cứu ghi nhận SVDD năm cuối có điểm trung bình kiến thức (17,13 ± 2,11) cao hơn sinh viên năm 3 (16,52 ± 1,22) và sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với p = 0,038. Bên cạnh đó, kết quả phép kiểm Anova cũng ghi nhận điểm trung bình kiến thức của sinh viên đang thực tập lâm sàng tại khoa Hồi sức cấp cứu (17,65 ± 2,11) cao hơn khoa Ngoại (16,59 ± 1,61)

và khoa Nội (16,95 ± 1,94) với p = 0,008. Tuy nhiên sự khác biệt về kiến thức giữa các sinh viên có độ tuổi khác nhau và giữa sinh viên nam – nữ không quá lớn và không có ý nghĩa thống kê (p > 0,05).

Các yếu tố ảnh hưởng thái độ liên quan đến vệ sinh tay thường quy được trình bày ở Bảng 3.

Bảng 3 Yếu tố ảnh hưởng đến thái độ về vệ sinh tay của SVĐD

Đặc điểm		TB ± ĐLC	t*	F**	Giá trị p	Post-hoc
Tuổi	21	7,25 ± 0,69		2,56	0,07	
	22	7,49 ± 1,23				
	23	7,67 ± 1,08				
Giới tính	Nam	7,20 ± 0,82	-1,64		0,102	
	Nữ	7,46 ± 1,07				
Khóa học	Năm 3	7,31 ± 0,79	-1,49		0,138	
	Năm 4	7,49 ± 1,19				
Khoa đang thực tập lâm sàng	Hồi sức cấp cứu ^a	7,63 ± 1,24		2,42	0,066	
	Ngoại ^b	7,45 ± 0,97				
	Nhi ^c	7,00 ± 1,13				
	Nội ^d	7,40 ± 0,93				

*Phép kiểm t- test, ** Phép kiểm Anova

Kết quả phân tích ghi nhận, các yếu tố tuổi, giới tính, năm học và khoa thực hành lâm sàng không ảnh hưởng đến thái độ về vệ sinh tay thường quy của SVĐD ($p > 0,05$). Các yếu tố ảnh hưởng thực hành vệ sinh tay thường quy được trình bày ở Bảng 4.

Bảng 4 Yếu tố ảnh hưởng đến thực hành vệ sinh tay của SVĐD

Đặc điểm		TB ± ĐLC	t*	F**	Giá trị	Post-hoc
Tuổi	21	5,44 ± 0,92		2,87	0,058	
	22	5,52 ± 0,80				
	23	5,94 ± 0,24				
Giới tính	Nam	5,27 ± 0,59	-0,545		0,586	
	Nữ	5,36 ± 1,08				
Khóa học	Năm 3	5,06 ± 0,99	-4,47		0,001	
	Năm 4	5,52 ± 0,76				
Khoa đang thực tập lâm sàng	Hồi sức cấp cứu ^a	5,81 ± 0,39		5,25	0,001	a > b a > d c > d
	Ngoại ^b	5,13 ± 0,99				
	Nhi ^c	5,56 ± 0,716				
	Nội ^d	5,22 ± 0,89				

*Phép kiểm t- test, ** Phép kiểm Anova

Kết quả nghiên cứu ghi nhận SVĐD năm cuối có điểm trung bình thực hành ($5,52 \pm 0,76$) cao hơn sinh viên năm 3 ($5,06 \pm 0,99$) và sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với $p = 0,001$. Thực hành vệ sinh tay của SVĐD đang thực tập tại khoa Hồi sức cấp cứu tốt nhất ($5,81 \pm 0,39$) và cao hơn các sinh viên đang thực tập tại khoa Nội ($5,22 \pm 0,89$) và khoa Ngoại ($5,13 \pm 0,99$). Sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với $p = 0,001$. Tuy nhiên tuổi và giới tính không ảnh hưởng đến thực hành vệ sinh tay của sinh viên ($p > 0,05$).

4 Bàn luận

4.1 Kiến thức, thái độ và thực hành về sinh tay thường quy của SVĐD

Nghiên cứu ghi nhận SVĐD đang thực hành lâm sàng tại các cơ sở khám chữa bệnh có kiến thức đạt cao (91,6 %). Đồng thời hơn 90 % sinh viên trả lời đúng về các thời điểm phải vệ sinh tay. Kiến thức về yếu tố nguy hại từ tay nhân viên y tế của sinh viên rất cao, cụ thể 100 % sinh viên đồng ý là yếu tố da tay bị tổn thương, 81,5 % đồng ý nguy cơ liên quan đến đồ trang sức, và 80,1 % đồng ý là liên quan đến làm móng tay. Kết quả này cao hơn các báo cáo trước đây về vấn đề vệ sinh tay của SVĐD và điều dưỡng viên. Nghiên cứu trên sinh viên Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội cho thấy 54,3 % sinh viên có kiến thức đạt và chỉ có 31,9 % sinh viên cho rằng có 5 thời điểm cần phải vệ sinh tay khi tiếp xúc với người bệnh; 10,9 % sinh viên biết thời gian tối thiểu để vệ sinh tay là 20 giây [5]. Nghiên cứu được

thực hiện trên SVDD, nữ hộ sinh, dược, chẩn đoán hình ảnh đang thực tập lâm sàng tại bệnh viện Đa khoa Xanh Pôn (Hà Nội) ghi nhận mức độ kiến thức của sinh viên cho thấy chỉ 58,2 % sinh viên có điểm kiến thức đạt; 41,8 % không đạt [3]. Kiến thức của sinh viên về các yếu tố nguy hại từ tay nhân viên y tế tương đồng với nghiên cứu tại Bệnh viện đa khoa Xanh Pôn cho thấy 95 % sinh viên đồng ý nguy cơ từ da tay bị tổn thương, hay từ đeo đồ trang sức là 76,8 % sinh viên đồng ý và 85,9 % đồng ý nguy cơ từ làm móng tay [3]. Sự khác biệt về kết quả trên có thể liên quan đến chuyên ngành đào tạo của sinh viên và tần suất thực hiện vệ sinh tay trong thực hiện các kỹ thuật liên quan.

Kết quả nghiên cứu ghi nhận SVDD có thái độ tích cực trong việc vệ sinh tay thường quy trong chăm sóc người bệnh (94,4 %). Có 100 % sinh viên đồng ý với quan điểm vệ sinh tay rất quan trọng trong chăm sóc người bệnh và không trì hoãn trong mọi hoàn cảnh. Kết quả nghiên cứu cao hơn nghiên cứu đánh giá thái độ liên quan đến vệ sinh tay của sinh viên y khoa tại Đại học Đà Nẵng. Chỉ có 59,1 % sinh viên có thái độ tích cực liên quan đến sự cần thiết vệ sinh tay trong chăm sóc người bệnh [7]. Một nghiên cứu trên SVDD tại Ả Rập Xê út ghi nhận chỉ 34,8 % có thái độ tích cực liên quan đến các vấn đề vệ sinh tay [8].

Nghiên cứu ghi nhận 59,4 % sinh viên thực hành đạt 6 bước vệ sinh tay, 83,5 % SVDD thực hiện đúng 5 bước của vệ sinh tay thường quy và 94 % sinh viên thực hiện đúng 4 bước. Kết quả này tương đồng với nghiên cứu tại Bệnh viện đa khoa Xanh Pôn khi tỉ lệ sinh viên thực hành vệ sinh tay đạt chiếm 50,6 % [5], 64,3 % sinh viên thực hiện đạt 6 bước, và 72,3% sinh viên thực hiện đạt 5 bước trong vệ sinh tay [4]. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu này cao hơn một nghiên cứu khác, ghi nhận chỉ 42,8 % SVDD thực hiện đúng việc vệ sinh tay [9], chỉ có 18,3 % sinh viên thực hiện đúng 6 bước của vệ sinh tay [8].

4.2 Các yếu tố ảnh hưởng đến kiến thức, thái độ và thực hành vệ sinh tay thường quy của SVDD

Nghiên cứu ghi nhận sinh viên năm cuối có kiến thức, và thực hành vệ sinh tay tốt hơn sinh viên năm 3 ($p < 0,05$). Kết quả này tương đồng với nghiên cứu khác, ghi

nhận sinh viên năm 2 có kiến thức và thực hành tốt hơn sinh viên năm nhất 2,18 lần [5]. Vấn đề này có thể được giải thích bởi việc học tập tích lũy kinh nghiệm trong học tập các môn học lý thuyết và học tập lâm sàng sẽ giúp sinh viên củng cố kiến thức và nâng cao kỹ năng thực hành.

Đồng thời nghiên cứu cũng ghi nhận sinh viên đang thực tập tại khoa Hồi sức cấp cứu có kiến thức và thực hành tốt hơn sinh viên khoa Ngoại và Nội ($p < 0,05$). Kết quả này có thể được giải thích môi trường học tập tại khoa Hồi sức cấp cứu yêu cầu tuân thủ nghiêm ngặt về phòng ngừa nhiễm khuẩn trong chăm sóc người bệnh nặng tại khoa. Đồng thời, việc cung cấp phương tiện dụng cụ được cung cấp đầy đủ tạo điều kiện sinh viên thực hành vệ sinh tay tốt hơn.

Bên cạnh đó, nghiên cứu ghi nhận các SVDD ở các độ tuổi khác nhau và giữa các nhóm sinh viên nam và nữ không có sự khác biệt về kiến thức, thái độ và thực hành vệ sinh tay trong chăm sóc người bệnh ($p > 0,05$). Tuy các nghiên cứu trước đây ghi nhận sinh viên nữ thực hành vệ sinh tay tốt hơn sinh viên nam cao gấp 1,49 lần [8].

5 Kết luận

Nghiên cứu kiến thức, thái độ và thực hành vệ sinh tay thường quy của sinh viên NTTU ghi nhận 286 sinh viên tham gia nghiên cứu. 91,6 % sinh viên có kiến thức đạt, 94,4 % sinh viên có thái độ tích cực và 59,4 % sinh viên thực hành đạt vệ sinh tay. Đồng thời, nghiên cứu ghi nhận sinh viên năm cuối có kiến thức và thực hành tốt hơn sinh viên năm 3 và các sinh viên đang thực tập tại khoa Hồi sức cấp cứu cũng ghi nhận có kiến thức, thực hành tốt hơn các sinh viên tại đang thực tập tại các khoa khác. Từ các kết quả trên cho thấy việc học tập trong môi trường lý thuyết và lâm sàng giúp sinh viên nâng cao kiến thức cũng như kỹ năng cho SVDD trong các hoạt động chăm sóc người bệnh.

Lời cảm ơn

Nghiên cứu được thực hiện với sự hỗ trợ kinh phí của đề tài cấp trường ĐH Nguyễn Tất Thành, mã số 2024.01.73/HĐ -KHCVN



Tài liệu tham khảo

1. WHO. (2009). *Guidelines on Hand Hygiene in Health Care: First Global Patient Safety Challenge Clean Care Is Safer Care*. Geneva
2. Le, C. D., Lehman, E. B., Nguyen, T. H., & Craig, T. J. (2019). “Hand hygiene compliance study at a large central hospital in Vietnam”. *International Journal of Environmental Research and Public Health* 16, 607
3. Lương Vũ Anh và cộng sự. (2020). Thực trạng kiến thức về vệ sinh tay của sinh viên đang học lâm sàng tại Bệnh viện đa khoa Xanh Pôn năm 2019 – 2020. *Tạp chí Y học Thâm họa và Bóng*, 3, 39.
4. Đỗ Thị Tuyết Mai, Nguyễn Thị Anh Thư, Nguyễn Hải Ninh. (2022). Kiến thức, thực hành về vệ sinh bàn tay tại bệnh viện của sinh viên điều dưỡng chính quy Trường Đại học Y Dược Hải Phòng năm 2021. *Tạp chí Y học Dự phòng*, 32, 175.
5. Lương Anh Vũ và cộng sự. (2021). Khảo sát kiến thức và thực hành vệ sinh tay thường quy để phòng lây nhiễm covid của sinh viên Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội năm 2020. *Tạp chí Y Dược Cổ truyền Việt Nam*, 3, 60.
6. WHO. (2009). *Hand Hygiene Knowledge Questionnaire for Health-Care Workers*.
7. Trần Kiên Phú và cộng sự. (2023). Khảo sát kiến thức, thái độ và thực hành vệ sinh tay thường quy của sinh viên ngành y khoa”, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ – Đại học Đà Nẵng*, 21, 125.
8. Cruz, J. P., & Bashtawi, M. A. (2016). Predictors of hand hygiene practice among Saudi nursing students: A cross-sectional self-reported study. *Journal of Infection and Public Health*, 9, 485
9. Nguyễn Ngọc Hân và cộng sự. (2022). Thực trạng thực hành vệ sinh tay thường quy của sinh viên điều dưỡng Trường Đại học Y dược Cần Thơ”. *Tạp chí Y Dược học Cần Thơ*, 50, 48

Knowledge, attitude and practice of hand hygiene among nursing students at Nguyen Tat Thanh University

Le Thi Que Phuong*, Tran Thi Hanh Dung
Nursing Faculty – Nguyen Tat Thanh University
*ltqphuong@ntt.edu.vn

Abstract Hand hygiene is a fairly simple, low-cost, easy-to-implement and highly effective measure to prevent hospital infections and protect medical staff. The study aimed to evaluate the knowledge, attitudes and practices of nursing students regarding hand hygiene and related factors. Descriptive cross-sectional study conducted from January 2024 to April 2024 on nursing students at Nguyen Tat Thanh University who are practicing clinically at the hospital. A total of 286 nursing students participated in the study were within the age range from 21 to 23 years old and the majority of the respondents were female (82.2%). 55.9 % of nursing students are final year students and are practicing at the Surgery department (44.7%), Internal Medicine (27.3 %), Intensive Care Unit (16.8 %) and Pediatric Department (11.2 %). Regarding knowledge, attitude and practice of hand hygiene, 91.6 % have good knowledge, 94.4% of students have positive attitudes and 59.4 % of students practice well. The analysis results also noted that 4th year students had better knowledge and practical skills about hand generation than 3rd year students ($p < 0.01$). In general, nursing students have good knowledge and good attitudes about routine hand washing. It is necessary to strengthen supervision, updates, and training to help students improve compliance with hand hygiene practices in patient care.

Keywords Knowledge, attitude, practice, hand hygiene, nursing students.

